

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH MIỆN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 06-7-2020

"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN - HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Xuân Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Đình Phúc; Bà Nguyễn Thị Hoài.

- Thư ký phiên toà: Ông Đào Quang Khuyển - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Thuỷ - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 29/2020/TLST-HN/GĐ ngày 04 tháng 3 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2020, Quyết định hoãn phiên toà số 03/2020/QĐST-HNGĐ ngày 16/6/2020,

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị H - sinh năm 1982

HKTT: thôn A, xã TC, huyện T, tỉnh H.

Hiện trú tại số nhà 381 đường Nguyễn T, phường Đ, thành phố T, tỉnh TH.

- Bị đơn: Anh Phan Văn T - sinh năm 1980

HKTT: thôn A, xã TC, huyện T, tỉnh H.

Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt lần hai không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, quá trình khai tại Toà án, nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày:

Chị và anh T tự do tìm hiểu, tự nguyện, vợ chồng sinh con chung Phan Anh T1 trước, đến ngày 10/02/2009 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã TC. Sau khi kết hôn vợ chồng sống vui vẻ, hòa thuận được thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống hàng ngày, trong phát triển kinh tế gia đình luôn trái ngược nhau dẫn đến thường xuyên cãi vã nhau, anh T thường xuyên chửi chị, nhiều lần đánh đập chị, xác định cuộc sống chung không có hạnh phúc nên tháng 01/2015 chị bỏ về quê để chị trong tỉnh TH ở cho đến nay, anh T có tìm chị nhưng chị không quay về đoàn tụ với anh T. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh T không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, không có khả năng đoàn tụ, anh T không nhất trí ly hôn chỉ là cố tình gây khó khăn cho chị, chị đề nghị Tòa án giải

quyết cho chị được ly hôn anh T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Phan Anh T1, sinh ngày 30/4/2008, Phan Phúc L, sinh ngày 25/10/2013, hiện cháu T1 đang ở với anh T, cháu L đang ở cùng với chị. Nguyên vọng của chị con nào đang ở với ai thì giữ nguyên không gây xáo trộn cuộc sống và việc học tập của các cháu. Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Quá trình làm việc với Toà án, bị đơn anh T không hợp tác với Toà án, khi gặp trực tiếp anh T có sự tham gia của Trưởng thôn, anh T luôn xác định dù có nhận Thông báo thụ lý, thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ nhưng anh không nhất trí ly hôn, không ký nhận, không khai báo, Toà án giải quyết thế nào thì giải quyết. Mặc dù đã cố gắng thuyết phục nhưng trước sau anh T vẫn tỏ quan điểm như trên, vì vậy hai lần Toà án mở phiên họp công khai chứng cứ và hoà giải nhưng anh T đều vắng mặt, không hợp tác với chị H và với Toà án. Toà án triệu tập họp lệ hai lần anh T đến phiên tòa nhưng anh đều không có mặt tại phiên tòa.

Bà Nguyễn Thị N (là mẹ đẻ anh T) xác định: anh T là con thứ hai trong ba người con của ông bà, anh T, chị H tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn, vợ chồng ở với gia đình bà một năm thì ra ăn riêng, anh chị có con trước rồi mới kết hôn. Tháng 1/2015 vợ chồng mâu thuẫn, nguyên nhân anh T lấy bát tô thường dùng múc canh để đựng sơn quét tường, chị H nói thì hai bên cãi chửi nhau, ngoài ra còn do vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau nên chị H bỏ về quê đẻ ở TH từ tháng 01/2015 cho đến nay, anh T có vào tìm nhiều lần nhưng chị H không chấp nhận đoàn tụ. Nay chị H có đơn ly hôn, bà mong Toà án hoà giải, còn chị H cương quyết ly hôn, đề nghị Toà án giải quyết theo pháp luật.

Anh T ở nhà nhưng không muốn ly hôn nên không hợp tác khai báo và tham gia hoà giải tại Toà án, bà đã động viên anh T chấp hành khai báo nhưng anh T không nghe. Về con chung anh chị có hai con hiện anh T nuôi dưỡng cháu T1, chị H nuôi dưỡng cháu L, nếu ly hôn bà đề nghị ai đang nuôi con nào thì giữ nguyên. Về tài sản, công sức anh chị không có.

Ông Lê Văn L (bố đẻ chị H) trình bày về điều kiện và thời gian kết hôn như chị H trình bày, việc anh chị mâu thuẫn ông có hỏi chị H được biết do vợ chồng không hợp nhau, mặt khác do anh T chửi mắng đánh đập nên chị H mới phải bỏ về nhà ông bà ở từ tháng 1/2015 cho đến nay, anh T có tìm nhưng chị H không chấp nhận. Nay chị H có đơn ly hôn, ông xác định vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, thời gian ly thân đã lâu, đề nghị Toà án giải quyết cho chị H được ly hôn anh T. Về con chung anh chị mỗi người nuôi một con như chị H đề nghị, về tài sản, nợ chung, công sức anh chị không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng đến trước thời điểm HĐXX nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 228, 238, 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Phan Văn T.

Về con chung: Xử giao cho chị H nuôi dưỡng con chung là Phan Phúc L, sinh ngày 25/10/2013, anh T nuôi dưỡng con là Phan Anh T1, sinh ngày 30/4/2008 đến khi

các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau và vẫn có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản, nợ chung, công sức: Chị H, anh T không có nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng*: Quá trình thu thập chứng cứ anh T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh không nhận, không hợp tác và không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án. Tòa án đã tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định, tại phiên tòa lần thứ hai anh T vẫn vắng mặt không có lý do, chị H do điều kiện đường xá xa xôi có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 227, điều 228, điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về hôn nhân*: Chị Lê Thị H và anh Phan Văn T kết hôn trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 10/02/2009 tại UBND xã TC, huyện T.

Trong quá trình chung sống, chị H xác định vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T và chị không hợp nhau, thường bộc lộ quan điểm sống không đồng nhất dẫn đến hai bên thường xuyên cãi chửi nhau, thậm chí anh T còn đánh đập chị nhiều lần, gây ức chế cho chị H. Chị nhẫn nại chịu đựng vì con chung nhưng anh T không thay đổi tính nết nên chị đã bế một con về nhà đẻ tại TH từ tháng 1/2015 cho đến nay, mặc dù anh T nhiều lần tìm nhưng chị không chấp nhận đoàn tụ, đến nay thời gian ly thân đã hơn năm năm, chị làm đơn ly hôn và kiên quyết xin ly hôn, hai bên gia đình không gặp nhau để hoà giải khuyên ngăn giúp vợ chồng đoàn tụ. Anh T biết chị H quyết tâm ly hôn nhưng anh không có biện pháp, điều kiện gì để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng, anh cũng không nhờ họ hàng, bạn bè của hai bên và các đoàn thể của thôn xã hoà giải, khi Tòa án gọi báo làm việc và hoà giải nhưng anh cố tình không chấp hành, gây khó khăn cho việc hoà giải của Tòa án, mục đích gây khó khăn cho chị H nên không nhất trí ly hôn.

Từ những đánh giá nêu trên HĐXX xét thấy mâu thuẫn giữa chị H, anh T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xử cho chị H được ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị H, anh T có hai con chung là Phan Anh T1, sinh ngày 30/4/2008, Phan Phúc L, sinh ngày 25/10/2013, hiện cháu T1 đang ở với anh T, cháu L đang ở cùng với chị. Ý kiến chị H trùng với ý kiến bà N, ông L hiện ai đang nuôi dưỡng con nào thì giữ nguyên, nguyện vọng cháu T1 cũng mong muốn được tiếp tục ở với bố và bà N, cháu L muốn ở với mẹ, vì vậy cần chấp thuận sự đề nghị của các bên và nguyện vọng của các cháu, giao anh T tiếp tục nuôi dưỡng cháu T1, chị H tiếp tục nuôi dưỡng cháu L, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau và vẫn có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[3] *Về tài sản, nợ chung, công sức*: Chị H, anh T không có, không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[4] *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị H khởi kiện vụ án HNGĐ nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228, 238, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- *Về hôn nhân*: Xử cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Phan Văn T.

2- *Về con chung*: Giao cho chị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Phan Phúc L, sinh ngày 25/10/2013, giao anh T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Phan Anh T1, sinh ngày 30/4/2008 đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Chị H, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3- *Về tài sản, nợ chung, công sức*: Chị H, anh T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4- *Về án phí*: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được đối trừ 300.000đ tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Miện, theo biên lai thu tiền số AA/2017/0003110 ngày 04-3-2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Miện.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản sao bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Miện;
 - Các đương sự;
 - Chi cục THADS huyện Thanh Miện;
 - UBND xã TC.
- Lưu hồ sơ vụ án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Xuân Thành